

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213 /2021/DS-PT

Ngày 11 - 6 - 2021

V/v tranh chấp “Chia di sản thừa  
kế theo di chúc, theo pháp luật  
và yêu cầu tuyên bố văn bản  
công chứng vô hiệu”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Việt Trung.

*Các Thẩm phán:* Ông Mai Hoàng Khải.

Ông Trương Vĩnh Hữu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2021/TLPT-DS ngày 10/3/2021 về việc tranh chấp “Chia di sản thừa kế theo di chúc, theo pháp luật và yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 103/2021/QĐ-PT ngày 22/3/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1973 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Võ Tuấn Vĩnh T – thuộc Công ty luật Vĩnh T – Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

**- Bị đơn:** Bà Trần Thị V, sinh năm 1956 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Trần Thị P1, sinh năm 1961 (có mặt).

2/ Bà Trần Thanh B1, sinh năm 1963 (có mặt).

3/Chị Trần Thị Thùy L, sinh năm 1976 (có mặt).

4/ Chị Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1971 (có mặt).

Cùng cư trú: ấp H, xã Đ, huyện B, Tiền Giang.

5/ Chị Trần Thị Thanh T2, sinh năm 1969 (có mặt).

6/ Chị Trần Thị Thùy T3, sinh năm 1975 (có mặt).

Cùng cư trú: ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

7/ Ông Trần Văn S, sinh năm 1950 (chết năm 1986).

*Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Soi gồm:*

7.1. Bà Lê Thị A, sinh năm : 1951 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

7.2. Chị Phan Thị Hồng N, sinh năm : 1977 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Trần Thanh B, bà Trần Thị P, chị Trần Thị Thùy L, chị Trần Thị Thanh T1, chị Trần Thị Thanh T2, chị Trần Thị Thùy T3, bà Lê Thị A và chị Phan Thị Hồng N: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1973 (Văn bản ủy quyền ngày 07/01/2020) (có mặt).*

Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

7.3. Chị Phan Thị Bích L1, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Số D, Quốc lộ P, phường N, thành phố A, tỉnh Long An.

7.4. Chị Trần Thị Kim N1, sinh năm 1978 (xin vắng mặt).

7.5. Anh Trần Hữu P2, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

8/ Bà Trần Thị Thanh G, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà G: Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1968 (Văn bản ủy quyền ngày 29/9/2015) (có mặt).*

Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

9/ Chị Đặng Trần Ngọc Thanh D, sinh năm 1993 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

10/ Anh Huỳnh Trần Quốc T4, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

11/ Chị Trần Thanh H, sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Cùng cư trú: ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

12/ Chị Trần Bình Phương N3, sinh năm 1993 (xin vắng mặt).

13/ Anh Trần Phúc E, sinh năm 1971 (xin vắng mặt).

Cùng cư trú: ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

14/ Văn phòng Công chứng M.

Trụ sở: ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C - Chức vụ: Trưởng Văn phòng (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Trần Thị V; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh G.

- *Viện Kiểm sát nhân dân huyện B kháng nghị.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

\* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:

Cha chị là ông Trần Văn B, sinh năm 1929 (chết vào năm 1987) theo giấy chứng tử số 22/2013 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B cấp ngày 13/10/2014 và mẹ bà Trần Thị P sinh năm 1929 (chết vào ngày 21/9/2013), theo giấy chứng tử số 49/2013 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B cấp ngày 27/9/2013, ông B và bà P có tất cả là 09 người con gồm:

- 1/ Bà Trần Thị V, sinh năm 1956.
- 2/ Bà Trần Thị P1, sinh năm 1961.
- 3/ Bà Trần Thanh B1 sinh năm 1963.
- 4/ Bà Trần Thị Thanh G, sinh năm 1967.
- 5/ Chị Trần Thị Thanh T2, sinh năm 1969.
- 6/ Chị Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1971.
- 7/ Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1973.
- 8/ Chị Trần Thị Thùy T3, sinh năm 1975.
- 9/ Chị Trần Thị Thùy L, sinh năm 1976.

Ngoài 09 người con trên thì bà P còn có 01 con riêng là ông Trần Văn S, sinh năm 1950. (chết năm 1986).

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Soi gồm:

- Bà Lê Thị A, sinh năm 1951.
- Chị Phan Thị Hồng N, sinh năm 1977.
- Chị Phan Thị Bích L1, sinh năm : 1972.
- Chị Trần Thị Kim N1, sinh năm : 1978.
- Anh Trần Hữu P2, sinh năm : 1982.

Lúc sinh thời cha, mẹ chị có tạo lập một phần đất ở thửa số 3149, tờ bản đồ số ATDC1, diện tích 1.647m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2007. Lúc còn sống bà P có cho mỗi người con mỗi người một nền nhà và có chuyên nhượng cho người khác nên phần diện tích đất còn lại là 1.559 m<sup>2</sup> và được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2010 ở thửa số 3149, tờ bản đồ số ATDC1, diện tích 1.559m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang. Đến năm 2013 thì bà P chết và có lập di chúc vào ngày 02/10/2012 tặng cho chị phần đất ở thửa số 3149, tờ bản đồ số ATDC1, diện tích 1.559 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Đến ngày 24/4/2015 chị có yêu cầu công bố bản di chúc của bà P nhưng bà V không đồng ý nên dẫn đến tranh chấp.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà P để lại theo di chúc vào ngày 02/10/2012 là phần đất ở thửa số 3149, tờ bản đồ số ATDC1, diện tích 1.559 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện B. Đối với phần đất bà V cất nhà lấn chiếm trên phần đất tranh chấp thì chị yêu cầu bà V trả giá trị.

\* Bị đơn bà Trần Thị V trình bày:

Cha bà là ông Trần Văn B, sinh năm 1929 (chết vào năm 1987) và mẹ bà Trần Thị P sinh năm 1929 (chết vào ngày 21/9/2013), không để lại di chúc. Ông B và bà P có tất cả là 09 người con gồm: Bà Trần Thị V, bà Trần Thị P1, bà Trần Thanh B1, bà Trần Thị Thanh G, chị Trần Thị Thanh T2, chị Trần Thị Thanh T1, chị Trần Thị Thanh T, chị Trần Thị Thùy T3 và chị Trần Thị Thùy L. Ngoài 09 người con trên thì bà P còn có 01 con riêng là ông Trần Văn S (chết năm 1986) vợ và con ông S gồm: Bà Lê Thị A, chị Phan Thị Hồng N, chị Phan Thị Bích L1, chị Trần Thị Kim N1, anh Trần Hữu P2 như phía nguyên đơn trình bày là đúng.

Lúc sinh thời cha, mẹ bà có tạo lập một phần đất ở thửa số 3149, tờ bản đồ số ATDC1, diện tích 1.559 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang. Trước khi bà P chết vào ngày 28/8/2012 chị T tự ý lập hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất từ bà P qua cho chị T, đến ngày 28/8/2012 thì bà phát hiện và ngăn chặn và gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang giải quyết và chị T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P. Ngày 19/10/2012 chị T nhờ ông Nguyễn K đến Phòng Công chứng M để phân chia đất nhưng không thành và ngày 17/4/2012 chị T kêu bà vào chia đất nhưng các bên không thỏa thuận được. Vào ngày 24/4/2015 chị T có yêu cầu công bố bản di chúc của bà P nhưng bà không đồng ý. Nay bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc vì di chúc trên không có thật.

Ngoài ra vào ngày 02/12/2016 bà V có đơn phản tố với nội dung như sau:

1/ Yêu cầu tuyên bố hợp đồng công chứng số 108 ngày 02/10/2012 của Văn phòng công chứng M do công chứng viên Nguyễn Văn T5 là vô hiệu.

2/ Yêu cầu chia di sản của bà P để lại đất ở thửa số 3149, tờ bản đồ số ATDC1, diện tích 1.559m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang theo pháp luật. Bà yêu cầu được chia phần đất với diện tích là 173m<sup>2</sup>, giáp với ông Trần Hoàng L2 qua đo đạc thực tế có diện tích là 88,1m<sup>2</sup>.

\* Ông Nguyễn Văn N2 - đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh G trình bày:

Về hàng thừa kế ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, về yêu cầu của bà T chia di sản thừa kế của bà P theo di chúc ông không đồng ý vì:

- Tại thời điểm xác lập di chúc là tài sản cấp cho hộ bà P trong hộ bà P có nhiều thành viên và có nhiều thành viên chưa đồng ý và khi tài sản cấp cho hộ thì bà P không được quyền tự ý lập di chúc là trái quy định của pháp luật.

- Tại thời điểm lập di chúc bà P đã 84 tuổi, không còn minh mẫn, bị lẫn và bà Phấn là người biết chữ nên việc lập di chúc lảng tay là trái với ý nguyện của bà và bà G có kiện chị T ở chính quyền địa phương trước đây. Nay bà G không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc.

Ngoài ra vào ngày 05/10/2015 bà G có đơn phản tố với nội dung như sau:

1/ Yêu cầu tuyên bố hợp đồng công chứng số 108 ngày 02/10/2012 của Văn phòng công chứng M do công chứng viên Nguyễn Văn T5 là vô hiệu.

2/ Yêu cầu chia di sản của bà P để lại đất ở thửa số 3149, tờ bản đồ số ATDC1, diện tích 1.559m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang theo pháp luật. Bà yêu cầu được chia phần đất với diện tích là 173m<sup>2</sup>, giáp với phần đất bà V yêu cầu, qua đo đạc thực tế có diện tích là 175,7m<sup>2</sup>. Ngoài ra ông N2 đề nghị xác minh anh Nguyễn Thanh S1 là con của ông B1 và bà L3 ở ấp L, xã M, huyện M, tỉnh Đồng Tháp để làm rõ nguồn gốc đất có phải là ông B mua của ông Nguyễn Văn B1 và bà Huỳnh Thị L3 không.

\* Chị Trần Thị Thanh T - đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thanh B1, bà Trần Thị P1, chị Trần Thị Thùy L, chị Trần Thị Thanh T1, chị Trần Thị Thanh T2, chị Trần Thị Thùy T3, bà Lê Thị A và chị Phan Thị Hồng N trình bày:

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến đối với yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của bà P lập vào ngày 02/10/2012.

\* Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng khoản 5, 11 điều 26, khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 645, Điều 646, điều 647, điều 648, điều 657, Điều 667 và Điều 674 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Công nhận bản di chúc của bà Trần Thị P lập ngày 02/10/2012 có hiệu lực pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc.

3. Chia cho chị Trần Thị Thanh T phần diện tích đất được hưởng theo di chúc ngày 02/10/2012 của bà Trần Thị P với diện tích là 174,08m<sup>2</sup> (sau khi trừ phần diện tích đất giao cho bà V 111,4m<sup>2</sup> ) nên còn lại với diện tích là 62,68m<sup>2</sup>, vị trí nằm trong phần đất còn lại của các thành viên trong hộ bà P ở thửa số 3149, tờ bản đồ ATDC1, diện tích 1.559m<sup>2</sup>, qua đo đạc thực tế là 1.566,8m<sup>2</sup> (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất bút lục 419 ngày 09/6/2020 có ký hiệu là T-5, T-8 đến T-14 và T- 18 đến T- 22), do bà Trần Thị P

đại diện hộ đứng tên và được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00089 ngày 20/5/2010.

4. Giao cho bà Trần Thị V tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất mà chị Trần Thị Thanh T được chia theo di chúc của bà Trần Thị P lập ngày 02/10/2012 với diện tích là 111,4m<sup>2</sup>, nằm trong thửa số 3149, tờ bản đồ ATDC1, diện tích 1.559m<sup>2</sup>, qua đo đạc thực tế là 1.566,8m<sup>2</sup> (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất bút lục 419 ngày 09/6/2020 có ký hiệu là T-6 và T-7), do bà Trần Thị P đại diện hộ đứng tên và được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00089 ngày 20/5/2010, phần đất có địa chỉ ở ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang, phần đất có vị trí như sau:

+ Phía Đông giáp phần đất còn lại của hộ bà P ngang gồm 02 đoạn là 8,66m và 4,38m;

+ Phía Tây giáp phần đất của bà Trần Thị V ngang 04m và ông Lê Văn Bé N4 ngang 04 m, ông Mai Văn Q ngang 04m và Phạm Kim T6 ngang 1,02m;

+ Phía Nam giáp phần đất còn lại của hộ bà P gồm 02 đoạn là 5,05m, 5,36m và phần đất tranh chấp bà V quản lý là 5,42m;

+ Phía Bắc giáp phần đất còn lại của hộ bà P dài 9,84m.

(Có sơ đồ kèm theo).

Bà Trần Thị V và bà Trần Thị Thanh T được đăng ký đất đai theo quy định tại điều 95 Luật đất đai.

5. Bà Trần Thị V có nghĩa vụ hoàn trả giá trị đất cho chị Trần Thị Thanh T với số tiền 111.400.000 đồng đồng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trần Thị V và bà Trần Thị Thanh G về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và yêu cầu tuyên bố hợp đồng công chứng số 108 ngày 02/10/2012 của Văn phòng công chứng M do công chứng viên Nguyễn Văn T5 là vô hiệu.

7. Án phí :

Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 3.134.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 03896 ngày 08/7/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, nên còn phải nộp tiếp 2.934.000 đồng tiền án phí.

Bà Trần Thị V phải chịu 5.770.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 06135 ngày 06/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, nên còn phải nộp tiếp 5.570.000 đồng tiền án phí.

Bà Trần Thị Thanh G phải chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 2.575.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số

04247 và 04248 ngày 13/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B nên hoàn lại cho bà G 2.375.000 đồng tiền dự phí.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

\* Ngày 29/01/2021, chị Trần Thị V có đơn kháng cáo yêu cầu: xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

\* Ngày 29/01/2021, chị Trần Thị Thanh G có đơn kháng cáo yêu cầu: xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

\* Ngày 02/02/2021 Viện Kiểm sát nhân dân huyện B có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 19/QĐKNPT-VKS-DS; kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện B; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm. Căn cứ kháng nghị:

- Án sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

- Nhận định và quyết định của bản án là không có cơ sở.

- Án tuyên không thể thi hành được.

- Án tuyên không chấp nhận yêu cầu phản tố của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không phù hợp với việc thụ lý giải quyết.

\* Ngày 01/02/2021, chị Trần Thị V có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo.

\* Ngày 22/4/2021, chị Trần Thị Thanh G có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu: Xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của cha chị Gương – ông Trần Văn B mua của ông B1 M; xác định chị G là hàng thừa kế thứ nhất của ông B, chia cho chị G được hưởng 01 kỷ phần di sản của ông B để lại theo pháp luật; hủy Di chúc do mẹ chị G – bà Trần Thị P lập.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Chị Trần Thị V yêu cầu xem xét yêu cầu kháng cáo của chị V, chị xin rút lại đơn xin rút yêu cầu kháng cáo. Chị V kháng cáo yêu cầu: Chia thừa kế theo pháp luật di sản do cha mẹ chị là ông Trần Văn B, bà Trần Thị P để lại là thửa số 3149, tờ bản đồ ATDC1, diện tích 1.559m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00089 ngày 20/5/2010 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ bà Trần Thị P; yêu cầu chia cho chị thêm 01 nền có chiều ngang 4m, dài 12m; yêu cầu tuyên bố di chúc do bà P lập ngày ngày 02/10/2012 vô hiệu do các hợp đồng tặng cho và chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà P với chị L, chị T1, chị M1,... thì bà P đều ký tên nhưng di chúc bà P lại lăn tay và tại thời điểm lập di chúc bà P không minh mẫn.

- Anh Nguyễn Văn N2 – đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Thanh G trình bày yêu cầu kháng cáo của chị G là: Chia thừa kế theo pháp luật di sản do cha mẹ chị G là ông Trần Văn B, bà Trần Thị P để lại là thửa số 1128, diện tích 2.464m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ bà Trần Thị P

ngày 13/9/1997; yêu cầu chia cho chị G thêm 01 nền; yêu cầu tuyên bố di chúc do bà P lập ngày ngày 02/10/2012 vô hiệu.

- Chị T không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của chị V, chị G; yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T có nhiều lập luận cho rằng: Chị T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của bà Trần Thị P để lại theo Di chúc do bà P lập ngày 02/10/2012, chia cho chị T được hưởng trọn thừa số 3149, diện tích 1.559m<sup>2</sup>, nhưng án sơ thẩm chỉ chấp nhận 01 phần là chưa đảm bảo quyền lợi cho chị T, nhưng chị T không kháng cáo. Các đương sự tranh chấp diện tích đất 1.559m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà P, qua đo đạc thực tế diện tích đất tăng lên đến 1.928,6m<sup>2</sup>, chênh lệch 258,2m<sup>2</sup>, nhưng án sơ thẩm chưa làm rõ diện tích đất tăng lên này trên cơ sở nào, việc chênh lệch diện tích đất này lớn, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự. Án sơ thẩm vi phạm là tuyên vị trí tứ cận đất chia cho chị T không rõ ràng, khó thi hành mà Tòa cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Đề nghị hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, đề nghị hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Ông Trần Văn B chết năm 1987, không để lại di chúc, thời điểm mở thừa kế của ông B được xác định theo quy định của Pháp lệnh thừa kế năm 1991. Bà Trần Thị P chết năm 2013. Các đương sự xác định đất tranh chấp là do ông Trần Văn B và bà Trần Thị P tạo lập trên cơ sở mua của vợ chồng ông Nguyễn Văn B1 (còn gọi là B1 M), bà Huỳnh Thị L3. Bà P được Ủy ban nhân dân huyện B cấp quyền sử dụng đất lần đầu ngày 13/9/1997 là cấp cho hộ. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định được đầy đủ thời điểm mở thừa kế, chưa làm rõ việc chia đất cho hàng thừa kế thứ nhất của bà P và chưa thu thập tài liệu chứng cứ về hàng thừa kế thứ nhất được chia đất nhưng lại chưa được cấp quyền sử dụng đất, vị trí của thửa đất như thế nào. Án sơ thẩm chia cho chị T được hưởng phần đất theo sơ đồ chữ T, nhưng không xác định cụ thể vị trí tứ cận như thế nào. Đề nghị hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**



[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Bích L1, chị Trần Thị Kim N1, anh Trần Hữu P2, chị Đặng Trần Ngọc Thanh D, anh Huỳnh Trần Quốc T4, chị Trần Thanh H, chị Trần Bình Phương N3, anh Trần Phúc E, đại diện Văn phòng Công chứng M vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị Thanh G, chị Trần Thị V và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Thửa đất tranh chấp số 3149, diện tích 1.559m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 1.566,8m<sup>2</sup>) tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00089 ngày 20/5/2010 cấp cho hộ bà Trần Thị P. Theo Công văn số 2063/CV-CNVPĐK ngày 13/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B (Bút lục 508) thể hiện: Hộ bà Trần Thị P được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 13/9/1997 theo dạng hồ sơ xét duyệt của Ủy ban nhân dân xã Đ đối với thửa số 1128, tờ bản đồ số ATDC1, diện tích 2.464m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang. Quá trình sử dụng đất, sau nhiều lần biến động (tách thửa, chuyển quyền), phần đất còn lại của bà P là thửa đất số 3149, tờ bản đồ ATDC1, diện tích 1.647m<sup>2</sup>. Việc yêu cầu cung cấp hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất của ông Trần Văn B cho bà Trần Thị P là không có cơ sở. Theo Công văn số 2235/UBND-NC ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện B (Bút lục 517) thể hiện: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Trần Thị P lần đầu ngày 13/9/1997 theo dạng hồ sơ xét duyệt của Ủy ban nhân dân xã Đ đối với thửa số 1128, tờ bản đồ số ATDC1, diện tích 2.464m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang. Quá trình sử dụng đất, sau nhiều lần biến động (tách thửa, chuyển quyền), phần đất còn lại của bà P là thửa đất số 3149, tờ bản đồ ATDC1, diện tích 1.559m<sup>2</sup> cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/5/2010, thời điểm này hộ bà P có 09 thành viên.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất xác định thửa số 1128, tờ bản đồ số ATDC1, diện tích 2.464m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện B cấp quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ bà P ngày 13/9/1997, cấp lại quyền sử dụng đất ngày 20/5/2010 thửa đất số 3149, diện tích 1.559m<sup>2</sup> là di sản của ông Trần Văn B và bà Trần Thị P, do ông B và bà P tạo lập trên cơ sở mua của ông Nguyễn Văn B1 và bà Huỳnh Thị L3 theo Tờ sang nhượng đất ngày 01/7/1975. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, anh Nguyễn Văn N2 – đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Thanh G cung cấp Giấy xác nhận đề ngày 22/4/2021 của anh Nguyễn Văn S1; trong đó anh S1 xác định: anh S1 là con của ông Nguyễn Văn B1 (tự B1 M) và bà Huỳnh Thị L3; Giấy bán đất được viết ngày 01/7/1975 do cha anh có bán 01 miếng đất 3,8 công ở ấp H, xã Đông cho bác sáu Trần Văn

B. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T xác định loại đất khi mua của ông B1, bà L3 là đất vườn, thổ.

Xét thấy: Ông Trần Văn B, sinh năm 1929 (chết ngày 30/5/1987) và bà Trần Thị P, sinh năm 1929 xác lập quan hệ vợ chồng từ trước năm 1959. Theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 thì thửa số 1128, tờ bản đồ số ATDC1, diện tích 2.464m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện B cấp quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ bà P ngày 13/9/1997, hiện nay là thửa đất số 3149, diện tích 1.559m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00089 ngày 20/5/2010 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ bà Trần Thị P là tài sản chung của ông Trần Văn B và bà Trần Thị P; mà mỗi người được phân nửa. Hơn nữa, theo các hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng giữa hộ bà Trần Thị P với Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thùy L, với Trần Thị Thanh T1, Trần Thị P1, Trần Thị Thanh T2, Trần Thị Thùy T3, Hồ Văn Bé T7, Đặng Thị Bé H1, Lê Thị Ngọc M1 (Bút lục 317, 316, 464, 465, 472, 483, 484, 490, 491, 494, 495, 498, 499, 501, 502, 505, 506) thể hiện nguồn gốc đất là “của chồng để lại”, “do tôi (bà P) tạo lập”.

Tuy nhiên, án sơ thẩm lại nhận định thửa đất số 3149, diện tích 1.559m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 1.566,8m<sup>2</sup>) được cấp cho hộ bà Trần Thị P; tại thời điểm cấp quyền sử dụng đất cho hộ bà P thì hộ bà P gồm 09 thành viên: Trần Thị P, Trần Thị Thanh T2, Trần Thị Thanh T, Trần Thị Thùy T3, Đặng Trần Ngọc Thanh D, Huỳnh Trần Quốc T4, Trần Bình Phương N3, Trần Thanh H và Trần Phúc E nên xác định bà P chỉ có 01 phần trong khối tài sản chung của hộ và phần di sản của bà P để lại là  $1.566,8m^2 : 9 = 174,08m^2$ , là không có cơ sở. Bởi lẽ, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ hồ sơ cấp quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Trần Thị P lần đầu vào ngày 13/9/1997, chưa làm rõ tại thời điểm cấp quyền sử dụng đất cho hộ bà P ngày 13/9/1997 thì các hàng thừa kế của ông Trần Văn B có ý kiến như thế nào về việc định đoạt của bà Phấn đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất cho hộ bà Phấn, họ có tranh chấp hay khiếu nại việc cấp quyền sử dụng đất cho hộ không; Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa thu thập tài liệu chứng cứ xác định tại thời điểm cấp quyền sử dụng đất cho hộ bà P ngày 13/9/1997 thì các thành viên trong hộ bà P gồm những ai và các thành viên trong hộ có công sức đóng góp, tạo lập đối với thửa đất này hay không; là có thiếu sót.

Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ quá trình sử dụng bà P đã chuyển quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Ngọc M1, Đặng Thị Bé H1, Trần Thị Thùy T3, Trần Thị Thùy L Hồ Văn Bé T7, Trần Thị Thanh T2, Trần Thị Thanh T1, Trần Thị P1 là bà P định đoạt phần di sản của ông Trần Văn B để lại hay phần của bà P; ý kiến của hàng thừa kế của ông B như thế nào đối với việc định đoạt của bà P.

Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 09/6/2020 (Bút lục 419) thể hiện diện tích đất là 1.928,6m<sup>2</sup>, tăng 369,6m<sup>2</sup>, theo phiếu xác nhận tăng 258,2m<sup>2</sup> so với diện tích được cấp quyền sử dụng đất cho hộ bà P 1.559m<sup>2</sup>, nhưng án sơ thẩm chưa làm rõ diện tích đất tăng lên này trên cơ sở

nào, vì chênh lệch diện tích đất này lớn, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị V, anh N2 – đại diện theo ủy quyền của chị G trình bày: chị V, chị G và chị B1 đã được bà P cho mỗi người 01 phần đất nền nhà, nhưng chưa được cấp Giấy quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ vị trí tứ cận của các phần đất này.

Bản án sơ thẩm tuyên chia cho chị Trần Thị Thanh T phần diện tích đất 62,68m<sup>2</sup> nhưng không nêu rõ vị trí, tứ cận; không nêu rõ hình thể diện tích cụ thể (là T nào theo sơ đồ hiện trạng đất tranh chấp), không xác định diện tích đất còn lại là bao nhiêu, nên không thể thi hành được.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn N2 – đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Thanh G có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với đất và nhà tọa lạc tại số a, tổ b, ấp C, xã Đ, huyện B, Tiền Giang (Bút lục 211), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc rút 01 phần yêu cầu khởi kiện này của anh No có được anh G đồng ý hay không để từ đó tuyên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này. Bởi lẽ, tại Giấy ủy quyền ngày 29/9/2015 (Bút lục 131), chị G ủy quyền cho anh N2 tham gia giải quyết tranh chấp tại các cấp Tòa án, không ủy quyền cho anh N2 được quyền ký đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện. Do đó, anh N2 không có quyền ký tên tại Đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, mà phải do chị G ký tên hoặc điểm chỉ. Bên cạnh đó, chị V có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện (Bút lục 218), nhưng án sơ thẩm không giải quyết đối với phần này có là thiếu sót.

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2014 (Bút lục 20), nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày: Bà Trần Thị P có 01 người con riêng là Trần Văn S, ông S chết năm 1986. Tại Bản tự khai đề ngày 18/8/2015, anh Nguyễn Minh T8 – đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Trần Thị V trình bày: Bà Trần Thị P có 01 người con riêng là Trần Văn S, ông S chết năm 1986. Tuy nhiên, tại Bản tự khai ngày 11/7/2017 (Bút lục 228) chị Phan Thị Bích L1 trình bày: cha của chị là Trần Văn S1. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ ông Trần Văn S hay ông Trần Văn S1 là con của bà Trần Thị P, thời điểm chết của ông S (hay ông S1) và hàng thừa kế của ông S1 (hay ông S), mà chỉ dựa vào lời khai của các đương sự, là chưa có cơ sở. Bởi lẽ, hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông Trần Văn S (hay Trần Văn S1) đã chết năm 1986 và hàng thừa kế của ông S (hay ông S1) gồm: bà Lê Thị A, chị Phan Thị Hồng N, chị Phan Thị Bích L1, chị Trần Thị Kim N1, anh Trần Hữu P2; ngoài những người này ông S (hay ông S1) còn những ai là người thừa kế hay không.

Tại Sổ hộ khẩu của bà Phấn ngày 02/8/1999 (Bút lục 357) thể hiện: Chủ hộ bà Trần Thị P, có thành viên trong hộ là Trần Thị Thanh B1 là con của chủ hộ. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ bà Trần Thị Thanh B1 và bà Trần Thanh B1 có phải là một người hay không.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2018 (Bút lục 294), bà Trần Thanh B1 trình bày: Trên phần đất tranh chấp bà có cất 01 căn nhà, tại căn nhà có những người ở gồm: Đặng Minh V, Trần Thanh B1, Đặng Trần Ngọc Thanh D, Lê

Đặng Thiên B2, Lê Đặng Thiên P3. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là có thiếu sót.

Những vi phạm, thiếu sót nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do hủy án sơ thẩm nên chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của chị G, chị V.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Đề nghị của luật sư phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do hủy án sơ thẩm, nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 19/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/02/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện B.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện B xử lại theo trình tự sơ thẩm.

Về án phí: Các bên đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Hoàn lại cho bà V 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004682 ngày 29/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại bà Trần Thị Thanh G số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004684 ngày 29/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tiền Giang.

- Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 45 phút ngày 11/6/2021, có mặt: chị T, chị V, chị B1, anh N2 và Kiểm sát viên.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện B;
- THADS huyện B;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.  
DSPT-2021-H

**Huỳnh Việt Trung**